

Bản án số: 260/2020/DS-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Đình V – sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: 36/22 Hẻm 380 đường C, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn K – Văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị đơn: Ông Cấn Văn T – sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: 35 đường V, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Lê Tuyết M – sinh năm 1964

Địa chỉ: 36/22 Hẻm 380 đường C, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 03/6/2020 bà Lê Lê Tuyết M có Đơn xin vắng mặt.

2/ Bà Trần Thị Hồng H – sinh năm 1960

Địa chỉ: 35 đường V, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/5/2020 bà Trần Thị Hồng H có Đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/01/2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Vũ Đình V (sau đây gọi là Nguyên đơn) trình bày: Ngày 01/12/2016 giữa Nguyên đơn và ông Cấn Văn T (sau đây gọi là Bị đơn) có ký Hợp đồng dịch vụ số: 01/HĐDV-2016 với nội dung: Bị đơn nhận thực hiện dịch vụ trọn gói để Công ty Đ ký được hợp đồng thuê lại mặt bằng số 240G, Phường R, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty P, thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 28/02/2017 kết thúc. Ngày 25/02/2017, Bị đơn đề nghị ký phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thực hiện đến ngày 31/5/2017. Sau khi ký hợp đồng Nguyên đơn đã giao cho Bị đơn 300.000.000đ, đến nay hợp đồng vẫn chưa được thực hiện, Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn trả tiền nhưng Bị đơn chưa trả. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả ngay một lần 422.000.000đ bao gồm:

+ 300.000.000đ là giá trị hợp đồng Bị đơn đã nhận.

+ 60.000.000đ là tiền phạt 20% giá trị hợp đồng.

+ 62.000.000đ là tiền lãi từ ngày 31/5/2017 đến ngày 20/02/2020.

Bị đơn – ông Cấn Văn T trình bày: Ngày 01/12/2016 giữa Bị đơn và Nguyên đơn có ký Hợp đồng dịch vụ số: 01/HĐDV-2016 và ngày 25/02/2017, ký tiếp phụ lục hợp đồng, thực hiện hợp đồng Bị đơn có nhận của Nguyên đơn 300.000.000đ. Với yêu cầu của Nguyên đơn, Bị đơn xin trả 300.000.000đ trong 10 tháng, mỗi tháng 30.000.000đ, không có khả năng trả 1 lần vì số tiền này là do vợ Bị đơn trả dùm, không đồng ý trả lãi và phạt hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Lê Tuyết M trình bày: Bà là vợ của Nguyên đơn, bà cùng chung ý kiến, yêu cầu với Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Hồng H trình bày: Bị đơn hiện không có thu nhập ổn định, không có lương hưu, bà là vợ của Bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý trả nợ thay cho Bị đơn số tiền 300.000.000đ, thời hạn trả 12 tháng, mỗi tháng từ 10.000.000đ - 30.000.000đ.

Ngoài ra bà không đồng ý trả bất cứ khoản tiền nào khác phát sinh do yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Lê Lê Tuyết M, bà Trần Thị Hồng H vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Văn K trình bày: Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn có thiện chí hòa giải, Nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả tiền dịch vụ đã nhận và tiền phạt hợp đồng, tổng cộng là 360.000.000đ.

Nguyên đơn – ông Vũ Đình V trình bày: Tại phiên tòa hôm nay ông xin rút lại yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 62.000.000đ tiền lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 300.000.000đ tiền dịch vụ đã nhận và 60.000.000đ tiền phạt hợp đồng. Bị đơn cho rằng không có khả năng trả 1 lần, ông đồng ý cho vợ chồng Bị đơn trả dần số tiền 360.000.000đ trong thời hạn 12 tháng, mỗi tháng 30.000.000đ và hỗ trợ 9.000.000đ tiền án phí.

Bị đơn – ông Cán Văn T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án vợ ông đồng ý trả cho Nguyên đơn mỗi tháng 30.000.000đ nhưng không muốn gặp mặt Nguyên đơn và muốn trả tại Tòa án hoặc Thi hành án. Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho Nguyên đơn 360.000.000đ trong thời hạn 12 tháng và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận thỏa thuận của các đương sự đối với yêu cầu trả lại tiền dịch vụ và phạt hợp đồng, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả lãi của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dịch vụ” do Bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Vũ Đình V có mặt; Bị đơn – ông Cấn Văn T có mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Văn K có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Lê Lê Tuyết M, bà Trần Thị Hồng H có Đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 360.000.000đ bao gồm: 300.000.000đ là giá trị hợp đồng Bị đơn đã nhận và 60.000.000đ tiền phạt hợp đồng.

Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn do UBND Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bị đơn và bà H thể hiện Bị đơn và bà H là vợ chồng hợp pháp, quá trình giải quyết vụ án bà H đồng ý trả thay Bị đơn số tiền 300.000.000đ. Nên căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Nguyên đơn.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số: 01/HĐDV-2016 ngày 02/6/2016 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 25/02/2017 giữa Nguyên đơn, Bị đơn và thỏa thuận của Nguyên đơn, Bị đơn tại phiên tòa về việc vợ chồng Bị đơn có trách nhiệm trả 360.000.000đ cho Nguyên đơn trong thời hạn 12 tháng, mỗi tháng 30.000.000đ.

Xét thấy: Thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc vợ chồng Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn 360.000.000đ trong thời hạn 12 tháng, mỗi tháng 30.000.000đ, trả vào ngày 20 hàng tháng nếu ngày 20 hàng tháng là ngày thứ bảy, chủ nhật sẽ được trả vào ngày tiếp theo.

[5] Xét yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 62.000.000đ tiền lãi.

Ngày 08/5/2020, Nguyên đơn có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 31/5/2017 đến ngày 20/02/2020 là 62.000.000đ. Tại phiên tòa Nguyên đơn có Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 62.000.000đ tiền lãi.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu vợ chồng Bị đơn phải trả 62.000.000đ tiền lãi của Nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn và bà H phải chịu 18.000.000đ án phí DSST, ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn về việc chịu 9.000.000đ tiền án phí DSST cho Bị đơn và bà H. Bị đơn và bà H phải chịu 9.000.000đ án phí DSST, Nguyên đơn phải chịu 9.000.000đ án phí DSST được căn trừ vào 9.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Nguyên đơn còn được nhận lại 1.550.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 513; Điều 514; Điều 515; Điều 516; Điều 517; Điều 518 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Vũ Đình V.

1.1 Buộc ông Cấn Văn T, bà Trần Thị Hồng H phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Đình V 360.000.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Thời gian trả như sau:

- Ngày 21/09/2020 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/10/2020 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/11/2020 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 21/12/2020 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/01/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 22/02/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Ngày 22/03/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/04/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/05/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 21/06/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/07/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- Ngày 20/08/2021 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

1.2 Đình chỉ yêu cầu của ông Vũ Đình V về việc yêu cầu ông Cấn Văn T, bà Trần Thị Hồng H phải trả 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) tiền lãi.

2/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí: Ông Cấn Văn T, bà Trần Thị Hồng H phải chịu 9.000.000đ (Chín triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Đình V phải chịu 9.000.000đ (Chín triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm được căn trừ vào 9.000.000đ (Chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0039852 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại ông Vũ Đình V 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0016234 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Đình V cho đến khi thi hành án xong, ông Cấn Văn T, bà Trần Thị Hồng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Đình V, ông Cấn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Lê Tuyết M, bà Trần Thị Hồng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

7/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương